

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../.../ 20...

Class: GE7

Tel: 038 255 2594

GLOBAL ENGLISH 7: UNIT 8 – ALL LIVING THINGS

VOCABULARY 1

A. VOCABULARY

No	New words	Meaning	No	New words	Meaning
1	at speed of	với tốc độ	21	shell (n) /ʃel/	vỏ
2	mammal (n) /'mæml/	động vật có vú	22*	fur (n) /fɜːr/	bộ lông thú
3	amphibian (n) /æm'fibiən/	động vật lưỡng cư	23	fin (n) /fin/	vây cá
4*	reptile (n) /'reptail/	loài bò sát	24	breathe (v) /bri:ð/	thở
5*	roadrunner (n) /'rəʊdrʌnər/	gà lôi đuôi dài	25	lung (n) /lʌŋ/	phổi
6*	branch (n) /brɑːntʃ/	cành cây	26*	be covered with /'kʌvəd/	được bao phủ bởi
7	speed (n) /spiːd/	vận tốc	27*	outer (adj) /'aʊtər/	ở phía ngoài
8	beak (n) /biːk/	mỏ (chim)	28	scale (n) /skeil/	vảy (cá, rắn,...)
9	smooth (adj) /smuːð/	bằng phẳng	29	so that	vậy nên
10*	sloth (n) /sləʊθ/	con lười	30	communicate with /kə'mjuːnikeɪt/	giao tiếp với
11	run off (phr.v)	chảy xuống	31	brilliant (adj) /'briliənt/	rực rỡ
12	chameleon (n) /kə'miːliən/	tắc kè hoa	32	in relation to /rɪ'reɪʃn/	liên quan đến
13	mood (n) /muːd/	tâm trạng	33*	waterproof (adj) /'wɔːtəpruːf/	không thấm nước
14	Siamese (adj) /ˌsaɪəmiːz/	(thuộc) Thái Lan	34	take after (phr.v)	giống với
15	breed (v) /briːd/	sinh sản	35	easy-going (adj)	dễ tính, thoải mái
16	gill (n) /gɪl/	mang (cá)	36	independent (adj) /ˌɪndɪ'pendənt/	độc lập
17*	feather /'feðər/	lông (chim)	37	be like	giống

18	lay (v) /leɪ/	(động vật) đẻ (trứng)	38*	personality (n) /ˌpɜːsəˈnæləti/	tính cách
19	feed (v) /fiːd/	cho ăn	39*	collar (n) /ˈkɒlə(r)/	lông cổ
20	body mass (n) /mæs/	khối lượng cơ thể			

* Note: n = noun: danh từ; v = verb: động từ; adj = adjective: tính từ

phr.v = phrasal verb : cụm động từ

* Những từ có ký hiệu * thì có 2 cách đọc

* Con học thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.

B. HOMEWORK

*Note: DO NOT apply short forms (contractions) in sentences. Use “was not/ do not/ have not...” instead of “wasn’t/ don’t/ haven’t...”

I. Fill in the blanks with the given words in the box

breeds	personality	lungs
is covered with	communicate with	mood

0. The blackbird, like most birds, breeds in the spring.

1. We can now _____ people on the other side of the world easily.

2. Although she is not very pretty, she has a warm _____.

3. Smoking too much is not good for our _____.

4. Don’t talk to her. She is in a bad _____ now.

5. 71% of the Earth _____ water.

II. Circle the word that has the underlined part pronounced differently

0. A. mammal

(B.) branch

C. mass

D. personality

1. A. swallow

B. covered

C. communicate

D. chameleon

2. A. feather

B. easy-going

C. breathe

D. beak

3. A. reptile

B. shell

C. independent

D. Siamese

4. A. amphibian

B. personality

C. fin

D. gill

III. Match the words given in the box with their definitions

0. <i>scale</i>	a. <i>one of the many very small, flat pieces that cover the skin of fish, snakes, etc.</i>
1. speed	b. to give food to a person, group, or animal.
2. breathe	c. the type of person you are, shown by the way you behave, feel, and think.
3. feed	d. relaxed and not easily upset or worried.
4. personality	e. the rate at which somebody/something moves or travels.
5. easy-going	f. to move air into and out of the lungs.

0 - a	1 -	2 -	3 -	4 -	5 -
-------	-----	-----	-----	-----	-----

IV. Choose new words in Vocabulary part and make sentences

0. _____ *Many people like wearing the coats which are waterproof* _____.
1. _____ .
2. _____ .
3. _____ .
4. _____ .
5. _____ .

V. Circling the correct option

0. *Humans, dogs, elephants, and dolphins are all mammals / roadrunners.*
1. The bird has grey **feathers** / **scales** with a lighter collar.
2. He **takes after** / **runs off** his grandfather with his love of books.
3. Belize became fully **smooth** / **independent** from Britain in 1981.
4. She's a generous and **easy-going** / **waterproof** boss.
5. I found a small piece of egg **fin** / **shell** in my cake.

Con làm bài nghe theo link sau: <https://youtu.be/tzkwYg37Opw> (từ 0:25 đến 10:10)

P TRAINER – T4 – P1

Test 4 Listening Part 1



Questions 1–7

46

For each question, choose the correct answer.

1 Which coat did the girl buy?



A



B



C

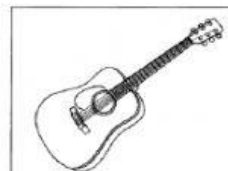
2 Which musical instrument would the boy prefer to learn?



A

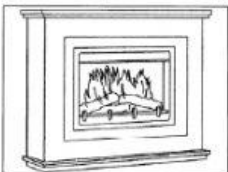


B



C

3 What does the girl miss about her old apartment?



A



B



C

4 Which sport does the boy not do any more?



A



B



C

5 Who has won the school poetry competition?



A

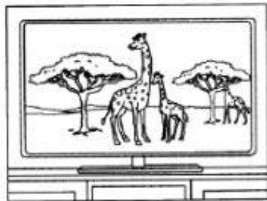


B

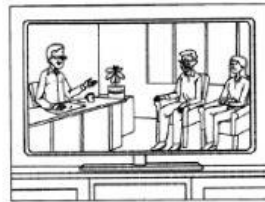


C

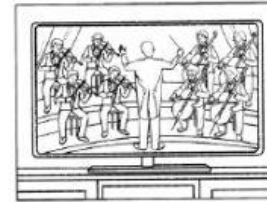
6 Which programme is on TV next?



A

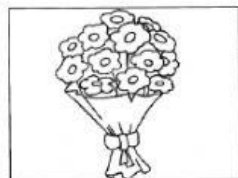


B



C

7 What present is the girl going to buy for her mum's birthday?



A



B



C